

UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ

DANH SÁCH

Học sinh tham dự Kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hoá cấp quận năm học 2024-2025

TT	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS	Ghi chú
				ngày	tháng	năm					
1	Lê Hải	Châu	Nữ	9	11	2011	8A2	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
2	Nguyễn Minh	Khang	Nam	13	9	2010	9A9	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
3	Vũ Đình Minh	Tân	Nam	25	8	2011	8A2	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
4	Nguyễn Hải	Long	Nam	15	4	2010	9A9	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
5	Vũ Tiến	Cường	Nam	17	2	2010	9A4	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
6	Vũ Sinh	Hùng	Nam	16	4	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
7	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	19	1	2010	9A6	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
8	Nguyễn Phương	Hà	Nữ	9	2	2011	8A2	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
9	Nguyễn Mạnh	Phúc	Nam	29	12	2010	9A4	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
10	Phạm Khắc	Minh	Nam	22	12	2010	9A11	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
11	Phạm Thanh	Giang	Nữ	27	3	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
12	Đỗ Trí	Dũng	Nam	24	9	2011	8A2	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
13	Phú Chí	Lâm	Nam	14	3	2010	9A4	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
14	Vũ Hoàng	Tùng	Nam	18	4	2010	9A4	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
15	Lê Tiến	Dũng	Nam	8	1	2010	9A2	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
16	Dương Phạm	Hiền	Nam	16	7	2011	8A3	London-UK	Toán	Giảng Võ	
17	Nguyễn Vũ	Minh	Nam	21	9	2010	9A5	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
18	Đặng Vũ Minh	Nhật	Nam	7	9	2010	9A6	Hà Nội	Toán	Giảng Võ	
19	Văn Hà	Hương	Nữ	4	9	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
20	Dương Kiều	Anh	Nữ	28	2	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
21	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	9	2	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
22	Trịnh Phương	Anh	Nữ	25	8	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
23	Trần Khánh	Vy	Nữ	27	10	2010	9A11	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
24	Đoàn An	Khanh	Nữ	27	12	2010	9A4	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	

TT	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS	Ghi chú
				ngày	tháng	năm					
25	Nguyễn Đăng	Huy	Nam	27	4	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
26	Nguyễn Phạm Ngân	Hà	Nữ	9	8	2010	9A7	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
27	Vũ Minh	Hằng	Nữ	19	4	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
28	Phan Hoàng Diệp	Nguyên	Nữ	1	10	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
29	Hoàng Thị Nguyên	An	Nữ	15	6	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
30	Đoàn Hạnh	Nhi	Nữ	5	9	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
31	Đặng Quỳnh	Anh	Nữ	22	2	2010	9A11	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
32	Trần Thanh	Mai	Nữ	2	10	2010	9A7	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
33	Đỗ Bảo	Quỳnh	Nữ	18	1	2010	9A1	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
34	Đỗ Hoàng Bảo	Trâm	Nữ	19	7	2010	9A5	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
35	Trần Ngân	Khánh	Nữ	16	5	2011	8A2	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
36	Đặng Thị Ngọc	Ánh	Nữ	12	10	2010	9A3	Hà Nội	Ngữ văn	Giảng Võ	
37	Trần Minh	Anh	Nữ	22	3	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
38	Đinh Minh	Phương	Nữ	10	2	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
39	Vũ Khánh	Linh	Nữ	9	2	2010	9A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
40	Trần Phạm Minh	Châu	Nữ	24	6	2011	8A6	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
41	Nguyễn Hoàng	An	Nam	27	5	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
42	Nguyễn Vũ Kiều	Giang	Nữ	20	5	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
43	Lưu Nguyễn Ân	Mai	Nữ	19	7	2011	8A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
44	Ngô Vi Hải	Đặng	Nam	11	1	2010	9A7	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
45	Trần Nguyễn Bảo	Châu	Nữ	7	11	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
46	Nguyễn Bảo	Nam	Nam	18	1	2010	9A8	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
47	Phạm Minh	Minh	Nữ	3	2	2011	8A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
48	Nhữ Quỳnh	Đan	Nữ	1	10	2011	8A4	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
49	Nguyễn Khoa	Nam	Nam	19	8	2010	9A8	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
50	Nguyễn Hạnh	Minh	Nữ	11	3	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
51	Nguyễn Lâm	Khoa	Nam	17	1	2010	9A5	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
52	Nguyễn Đăng Duy	Bách	Nam	26	7	2011	8A6	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
53	Thái Ngọc	Nhi	Nữ	4	12	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	

TT	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS	Ghi chú
				ngày	tháng	năm					
54	Nguyễn Vũ Tuệ	Lâm	Nữ	17	8	2010	9A2	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
55	Trần Vũ Bách	Phước	Nam	11	6	2010	9A1	Hà Nội	Tiếng Anh	Giảng Võ	
56	Hoàng Gia	Phúc	Nam	8	7	2011	8A2	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
57	Phạm Phú	Minh	Nam	31	8	2010	9A2	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
58	Trần Đức	Minh	Nam	28	1	2010	9A3	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
59	Phạm Xuân	Son	Nam	19	12	2010	9A5	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
60	Trần Bảo	Nam	Nam	16	5	2011	8A2	Hà nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
61	Nguyễn Công Quốc	An	Nam	2	5	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
62	Đỗ Trần Nguyệt	Hà	Nữ	8	5	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
63	Nguyễn Ngọc Hà	Linh	Nữ	2	5	2011	8A7	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
64	Nguyễn Phương	Minh	Nữ	4	12	2011	8A9	Vĩnh Phúc	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
65	Hồ Gia	Huy	Nam	7	3	2010	9A3	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
66	Trần Minh	Hiếu	Nam	10	9	2010	9A8	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
67	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	31	5	2010	9A5	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
68	Trần Đức	Huy	Nam	20	11	2010	9P	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
69	Đỗ Quốc	Hung	Nam	10	7	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
70	Chu Hà Gia	Khánh	Nam	4	1	2010	9A10	Toulouse, Cộng hòa	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
71	Lê Việt	Hoàng	Nam	13	9	2010	9A6	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
72	Dương Tuấn	Minh	Nam	26	4	2020	9A7	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
73	Nguyễn Gia	Khiêm	Nam	27	8	2011	8A3	Hà Nội	KHTN (Năng lượng và sự biến đổi)	Giảng Võ	
74	Nguyễn Huy	Anh	Nam	26	3	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
75	Nguyễn Minh Hà	An	Nữ	18	10	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
76	Hoàng Minh	Nguyên	Nam	26	6	2010	9A6	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
77	Nguyễn Duy Bình	Minh	Nam	4	6	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
78	Vũ Minh	Anh	Nữ	14	5	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
79	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	3	6	2011	8A2	Thái Bình	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
80	Hoàng Đăng	Nguyên	Nam	25	7	2011	8A2	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
81	Phạm Bảo	Hân	Nữ	18	1	2010	9A10	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
82	Bùi Quang	Minh	Nam	2	4	2010	9A5	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	

TT	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS	Ghi chú
				ngày	tháng	năm					
83	Lê Hà	Phương	Nữ	27	9	2010	9A3	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
84	Nguyễn Linh	Giang	Nữ	4	9	2010	9A1	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
85	Lê Hoàng	Bách	Nam	9	1	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
86	Phạm Thiện	Khôi	Nam	8	3	2011	8A2	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
87	Phạm Tuấn	Anh	Nam	26	12	2010	9A1	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
88	Đặng Lâm	Anh	Nam	20	8	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
89	Phạm Đình	Phong	Nam	5	1	2011	8A3	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
90	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	23	12	2010	9A7	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
91	Khổng Minh	Giang	Nam	24	9	2010	9A7	Hà Nội	KHTN (Chất và sự biến đổi chất)	Giảng Võ	
92	Hoàng An	Khang	Nam	14	11	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
93	Trần Lan	Phương	Nữ	11	3	2010	9A2	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
94	Vũ Diễm	Quỳnh	Nữ	12	1	2010	9A2	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
95	Đinh Nguyễn Tuệ	Minh	Nữ	1	8	2010	9A2	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
96	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	28	3	2010	9A2	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
97	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	15	1	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
98	Nguyễn Gia	Linh	Nữ	17	10	2010	9A11	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
99	Phùng Phương	Mai	Nữ	22	1	2010	9A1	TPHCM	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
100	Nguyễn Quang	Khôi	Nam	24	7	2010	9A10	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
101	Nguyễn Tuấn	Khôi	Nam	23	11	2011	8A4	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
102	Trương Diệp	Anh	Nữ	11	7	2010	9A9	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
103	Đỗ Thùy	Dương	Nữ	25	4	2010	9A8	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
104	Ngô Hoàng Minh	Đức	Nam	8	10	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
105	Trần Đức Hoàng	Minh	Nam	13	4	2010	9A7	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
106	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	22	1	2010	9A3	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
107	Lâm Thùy	Dương	Nữ	14	4	2010	9A8	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
108	Lê Duy	Hiếu	Nam	23	12	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
109	Bùi Hoàng	Tú	Nữ	30	6	2010	9A4	Hà Nội	KHTN (Vật sống)	Giảng Võ	
110	Tạ Huyền	My	Nữ	5	8	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
111	Nguyễn Duy	Khôi	Nam	20	9	2010	9A1	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	

TT	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS	Ghi chú
				ngày	tháng	năm					
112	Ngô Khánh	Chi	Nữ	27	7	2011	8A2	Hải Dương	Lịch sử	Giảng Võ	
113	Đào Minh	Nghĩa	Nam	28	6	2010	9A3	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
114	Hoàng	Khôi	Nam	7	11	2010	9A1	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
115	Mai Thị Thanh	Bình	Nữ	20	6	2011	8A2	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
116	Trần Đức	Anh	Nam	12	12	2011	8A9	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
117	Tạ Quang	Minh	Nam	19	9	2010	9A3	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
118	Nguyễn Hữu Hoàng	Đạt	Nam	9	9	2010	9A7	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
119	Nguyễn Thanh	Mai	Nữ	7	10	2010	9A7	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
120	Lê Lâm	Anh	Nam	29	12	2010	9A8	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
121	Phan Duy Hải	Nam	Nam	16	4	2010	9A8	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
122	Nguyễn	Nam	Nam	20	7	2010	9A6	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
123	Lê	Dũng	Nam	10	2	2011	8A9	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
124	Trần Minh	Thư	Nữ	30	8	2010	9A7	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
125	Vũ Mai	Anh	Nữ	9	11	2010	9A2	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
126	Vũ Bảo	Trân	Nữ	1	3	2010	9A8	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
127	Nguyễn Gia	Bách	Nam	25	5	2010	9A4	Hà Nội	Lịch sử	Giảng Võ	
128	Trần Văn	Giang	nữ	15	12	2010	9A10	Hà Nội	Địa lí	Giảng Võ	
129	Nguyễn Lan	Phương	Nữ	25	4	2010	9A2	Hà Nội	Địa lí	Giảng Võ	
130	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	6	7	2010	9A7	Hà Nội	Địa lí	Giảng Võ	
131	Nguyễn Cẩm	Ngọc	nữ	18	11	2010	9A10	Quảng Ninh	Địa lí	Giảng Võ	
132	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	24	7	2010	9A9	Hà Nội	Địa lí	Giảng Võ	
133	Trần Minh	Hà	Nữ	20	9	2010	9A4	Hà Nội	Địa lí	Giảng Võ	
134	Trần Xuân	Bách	Nam	27	5	2010	9A4	Hà Nội	Địa lí	Giảng Võ	
135	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	21	1	2010	9A2	Hà Nội	Địa lí	Giảng Võ	
136	Từ Tuệ	Lâm	Nữ	20	9	2010	9A8	Hà Nội	Địa lí	Giảng Võ	
137	Hoàng Phan Minh	Đặng	Nam	2	6	2010	9A4	Hà Nội	Địa lí	Giảng Võ	
138	Nguyễn Tuấn	Thịnh	Nam	18	11	2010	9A3	Hà Nội	Địa lí	Giảng Võ	
139	Nguyễn Huy	Tuấn	Nam	12	10	2010	9A9	Hà Nội	Địa lí	Giảng Võ	
140	Nguyễn Đức	Khang	Nam	19	05	2011	8A7	Hà Nội	Địa lí	Giảng Võ	

TT	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS	Ghi chú
				ngày	tháng	năm					
141	Hoàng Chi Diệu	Linh	Nữ	14	3	2010	9P	Pháp	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
142	Đỗ Hương	Giang	Nữ	18	2	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
143	Nguyễn Phương	Nguyễn	Nữ	1	11	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
144	Trần Hoàng	Khanh	Nữ	20	10	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
145	Phạm Chúc	An	Nữ	29	1	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
146	Nguyễn Khánh	Ngọc	Nữ	4	3	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
147	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	1	9	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
148	Đỗ Gia	Bình	Nam	3	10	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
149	Trần Ngọc Bảo	An	Nam	1	9	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
150	Nguyễn Đỗ Tường	Vân	Nữ	8	3	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
151	Nguyễn Minh	Đức	Nam	26	2	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
152	Trịnh Khánh	Thư	Nữ	11	8	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
153	Hoàng Bảo	Đan	Nữ	26	7	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
154	Nguyễn Thanh	Vân	Nữ	31	1	2011	8P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
155	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	9	11	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
156	Nguyễn Trúc	Linh	Nữ	3	1	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
157	Vũ Bảo	Linh	Nữ	3	9	2010	9P	Hà Nội	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
158	Nguyễn Phương	Chi	Nữ	24	6	2010	9P	Thái Bình	Tiếng Pháp	Giảng Võ	
159	Dương Phương	Thảo	Nữ	16	7	2010	9A7	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
160	Đình Gia	Kỳ	Nam	12	4	2010	9A11	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
161	Vũ Hồng	Hải	Nữ	14	10	2010	9A7	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
162	Tổng Khánh	Linh	Nữ	13	8	2010	9A2	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
163	Phùng Châu	Anh	Nữ	26	4	2011	8A4	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
164	Nguyễn Lê Bảo	Châu	Nữ	16	3	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
165	Nguyễn Thảo	Linh	Nữ	12	4	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
166	Lương Hương	Giang	Nữ	30	12	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
167	Nguyễn Cao Khánh	Thy	Nữ	25	10	2011	8A1	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
168	Lê Hải	Phương	Nữ	9	9	2011	8A11	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
169	Trần Thục	Quyên	Nữ	21	8	2010	9A7	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	

TT	Họ, đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Lớp	Nơi sinh	Môn thi	Trường THCS	Ghi chú
				ngày	tháng	năm					
170	Đoàn Tô Tuệ	Hương	Nữ	14	11	2011	8A4	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
171	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	19	11	2011	8A4	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
172	Lê Thảo	Vy	Nữ	31	3	2011	8A4	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
173	Phạm Nguyễn Bảo	Vy	Nữ	1	8	2011	8A11	Hà Nội	GDCD	Giảng Võ	
174	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	21	9	2012	7A4	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ	
175	Triệu Bình	Sơn	Nam	27	10	2010	9A8	Nam Định	Tin học	Giảng Võ	
176	Đinh Lê	Minh	Nam	20	6	2011	8A2	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ	
177	Nguyễn Thành	Hưng	Nam	8	1	2011	8A2	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ	
178	Nguyễn Việt	Bách	Nam	18	10	2011	8A2	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ	
179	Dương Hải	Nguyễn	Nam	5	6	2011	8A3	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ	
180	Đặng Phương	Thái	Nam	17	1	2011	8A3	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ	
181	Lê Đức	Trí	Nam	7	6	2011	8A9	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ	
182	Nguyễn Minh	An	Nam	11	9	2012	7A3	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ	
183	Đào Ánh	Giang	Nữ	26	9	2011	8A2	Hà Nội	Tin học	Giảng Võ	

Danh sách có 183 thí sinh./.

Ba Đình, ngày 23 tháng 10 năm 2024



Tổ Thị Hải Yến